

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2022/DS-ST

Ngày: 02-8-2022

V/v tranh chấp dân sự “Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2021/TLST-DS ngày 05/11/2021, về tranh chấp dân sự “Hợp đồng góp hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: ấp Phú Q, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1964.

2.2 Ông Lê Văn L, sinh năm 1964

Nơi cư trú: tổ 8, ấp Phú Q, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Bà M có mặt; bà Th, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Giữa bà với vợ chồng bà Phạm Thị Th và ông Lê Văn L không họ hàng gì, chỉ quen biết cùng xóm. Từ năm 2019 đến nay làm chủ hụi, bà Phạm Thị Th là

hội viên, có tham gia các dây hội do bà làm chủ hội như sau:

Dây hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, hội khai ngày 30/7/2019 al, gồm có 21 phần, bà Th tham gia 01 phần, trong danh sách hội đứng thứ 21 (tên Th). Hội khai lần thứ nhất bà Th hót hội, bà giao tiền hội đầy đủ cho bà Th trực tiếp nhận và làm tờ biên nhận do bà Th ký tên. Ông L tuy không tham gia giao dịch nhưng ông L có biết bà Th chơi hội của bà đã hót và còn nợ tiền hội. Sau khi hót hội bà Th không châu lại hội chết, bà có khởi kiện tranh chấp đến Ban chấp Phú Quới, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Nay yêu cầu bà Phạm Thị Th trả cho bà số tiền hội còn nợ là 20.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn L, không yêu cầu ông L trả tiền hội cho bà.

Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Bị đơn Phạm Thị Th và ông Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng để ông, bà thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng vẫn không có mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, không gửi ý kiến bằng văn bản nên không ghi nhận ý kiến.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự theo khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ để xác định giữa các nguyên đơn và bị đơn là bà Th có phát sinh tranh chấp hợp đồng góp hội theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu bà Th có trách nhiệm trả tiền hội cho nguyên đơn, là có căn cứ nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận. Đồng thời, tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là ông L đây là sự tự nguyện phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Các nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả tiền hội nên Tòa án xác định tranh chấp dân sự Hợp đồng góp hội theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Phú Quới, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 trở lên nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn cũng không có văn bản liên quan đến việc áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Th trả tiền hội còn nợ là 20.000.000đ.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Xét thấy hợp đồng góp hội giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là danh sách hội, tờ biên nhận (ngày 30/7/2019), lời khai của các hội viên có tham gia chơi hội chung với nhau, các giấy hội có nội dung giống nhau giữa các hội viên và xác nhận của chính quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tiến hành các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến gì về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý. Căn cứ vào nội dung các giấy hội, lời khai của những người làm chứng (là hội viên) phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, thì có đủ cơ sở để xác định bị đơn là bà Th còn nợ nguyên đơn số tiền hội là 20.000.000đ. Cho đến thời điểm xét xử, bị đơn cũng không cung cấp cho Tòa án

được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền trên. Việc bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án chỉ căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong vụ án để giải quyết. Lẽ ra, phải điều chỉnh số tiền lãi trên tiền vốn gốc thực nộp, nhưng do không làm việc đối chất được với bị đơn, thời gian đã lâu số tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật nhiều, nên yêu cầu của các nguyên đơn là phù hợp được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện, bà M yêu cầu đồng bị đơn là ông L cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Th trả cho cho bà tiền hui còn nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà M rút lại yêu cầu đối với ông L, xét, việc rút lại yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và bị đơn cũng không có ý kiến nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông L theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn là bà Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự.

+ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bà Phạm Thị Th về tranh chấp hợp đồng góp hui.

- Buộc bà Phạm Thị Th có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị M số tiền nợ hui là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong

tất cả các khoản tiền) thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Lê Văn L.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị M không phải chịu tiền án phí nên được nhận lại 500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004093 ngày 05/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Ông Lê Văn L không phải chịu án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Th, ông L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h. Phú Tân, AG;
- Chi cục THADS h. Phú Tân, AG;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Bích Tuyền